

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N B
TỈNH N B**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/5/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N B - TỈNH N B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Phương

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Đồng Thị Thanh Hương

Ông Lê Văn Tú

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Tổng Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 19/ 2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị T (Tên gọi khác : Lý Thị D), sinh năm 1988; ĐKNKTT: thôn Đoài Hạ, xã N Ph, thành phố N B, tỉnh N B.

Nơi ở: thôn P K, xã Q Tr, huyện H A, tỉnh C B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lý Thị T: ông Bùi Văn T, Luật sư Văn phòng luật sư Bùi T- Đoàn Luật sư tỉnh N B.

Bị đơn: Anh Vũ Văn Đ, sinh năm 1990; ĐKNKTT: thôn Đoài Hạ, xã N P, thành phố N B, tỉnh N B.

Tại phiên tòa chị T, anh Đ vắng mặt, ông Bùi Văn T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Lý Thị T (D) thể hiện :

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Vũ Văn Đ kết hôn tháng 11 năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Ph, thành phố N B, tỉnh N B. Trước khi kết hôn chị và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn; không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 5 năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, cũng có lúc đánh nhau; căng thẳng và trầm trọng từ tháng 6 năm 2014; chị đã bế con bỏ nhà chồng về quê C B sống. Từ đó vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai, vợ chồng không còn tình cảm, không còn thực hiện nghĩa vụ với nhau. Chị nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn Đ.

Về con chung: Chị Lý Thị T và anh Vũ Văn Đ có 01 con chung là cháu Vũ Lý D N, sinh ngày 01/11/2012, hiện nay cháu đang ở với chị T; Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị đề nghị được trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục cháu Vũ Lý D Nh.

Về cấp dưỡng cho con: chị Lý Thị Tàn không đề nghị anh Vũ Văn Đoàn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị và anh Đ không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, nhưng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lý Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T, nhất trí với các ý kiến đã trình bày của nguyên đơn và đề nghị về quan hệ hôn nhân, Tòa án căn cứ vào tình trạng hôn nhân của các bên đương sự để giải quyết, Luật sư không có ý kiến. Về nuôi con: Luật sư đề nghị giao cháu Vũ Lý Dương Nh cho chị Lý Thị T nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục cháu vì từ khi sinh cháu, chị đã chăm sóc cháu, anh Đ không quan tâm gì đến mẹ con chị. Đến năm 2014, do không chịu được mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ lại không chịu lao động, lo lắng cho cuộc sống gia đình, chị đã bế con về nhà mẹ đẻ chị ở C B để sinh sống. Quá trình ở C B, anh Đ cũng không quan tâm, thăm hỏi và cấp dưỡng cho cháu Vũ Lý Dương Nh; cuộc sống của hai mẹ con chị T do chị lao động bằng công việc bán hàng, có thu nhập ổn

định chị đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng được cháu Vũ Lý Dương Nh đến tuổi trưởng thành.

Bị đơn là anh Vũ Văn Đ trong bản tự khai có ý kiến: thừa nhận về quan hệ hôn nhân như chị T đã khai. Anh và chị Lý Thị T có được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc. Tháng 11 năm 2011, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Ph thành phố N B tỉnh N B. Khi lấy nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì không hiểu vì lý do gì, vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn mà chị T đưa con đi khỏi nhà về nhà ngoại ở C B sinh sống. quan điểm của anh nếu vì con, vợ chồng hòa giải được thì cả hai cùng khắc phục, còn nếu không được thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh Đ thừa nhận anh và chị T có 01 con chung tên cháu là Vũ Lý Dương Nh, sinh ngày 01/11/2012, hiện nay cháu Nh đang ở với mẹ; sáu năm trước kể từ ngày chị T bỏ nhà đi, anh có đi tìm kiếm, hỏi thăm nhưng chị T không cho anh gặp con, nên anh không chu cấp được cho con; nay chị T xin ly hôn anh nhất trí ly hôn nhưng anh đề nghị được nuôi con là cháu Vũ Lý Dương Nh không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh Vũ Văn Đ và chị Lý Thị T không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo theo quy định của luật tố tụng dân sự. Đương sự được đảm bảo quyền và nghĩa vụ đúng luật định; việc tổng đạt và gửi các văn bản tố tụng đúng thời hạn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B không có ý kiến gì.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N B đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T (tức D) ; Xử lý hôn giữa chị Lý Thị T (tức D) và anh Vũ Văn Đ; Giao cho chị Lý Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Lý Dương N , sinh ngày 01/11/2012 cho đến khi cháu thành niên, anh Vũ Văn Đ không phải cấp dưỡng tiền cho con.

Chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết : Chị Lý Thị T (tức Lý Thị D) khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con với anh Vũ Văn Đ, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ tại thôn Đoài Hạ, xã N P, thành phố N B, tỉnh N B, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố N B, tỉnh N B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố N B vẫn xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Lý Thị T và anh Vũ Văn Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N Ph thành phố N B tỉnh N B vào tháng 11 năm 2011; hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Lý do chị Lý Thị T xin ly hôn anh Vũ Văn Đ là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, có lúc đánh nhau; anh Đ không chịu đi làm lo cho cuộc sống của gia đình, thường xuyên chơi game thâu đêm suốt sáng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định : “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” , anh Đoàn và chị Tàn đã tự nguyện xây dựng cuộc sống gia đình, nhưng đã không vun đắp và xây dựng cho gia đình thuận hòa, hạnh phúc. Từ năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở C B, anh Đ (qua bao nhiêu năm) cũng không qua lại thăm nom, hỏi han hay có động thái gì hàn gắn quan hệ vợ chồng. Vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay đã 7 năm, xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Vũ Văn Đ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong bản tự khai, anh Đ cũng nhất trí ly hôn, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lý Thị T cho ly hôn anh Vũ Văn Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Lý Thị T và anh Vũ Văn Đ có 01 con chung tên cháu là Vũ Lý Dương Nhi , sinh ngày 01/11/2012; cháu Nhi gắn bó với mẹ từ khi sinh ra. Đến năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng, chị T đưa cháu N về ở nhà mẹ đẻ tại C

B, anh Đ không quan tâm, qua lại, thăm hỏi và cấp dưỡng gì cho cháu N, chỉ thỉnh thoảng gọi điện hỏi thăm, nói chuyện; cháu N nay đã được tám tuổi có nguyện vọng muốn ở với mẹ để được mẹ quan tâm, chăm sóc và dạy dỗ nhất là cháu lại là con gái, càng cần được gần mẹ để được chăm sóc, bảo ban hơn nữa. Chị T tuy làm nghề tự do nhưng cũng có thu nhập đủ đảm bảo cho cuộc sống của hai mẹ con và cho cháu điều kiện tốt để phát triển về thể chất và tinh thần. Do vậy, cần chấp nhận đề nghị của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Giao cháu Vũ Lý Dương N cho chị Lý Thị T nuôi dưỡng và chăm sóc là hợp lý.

Về cấp dưỡng tiền cho con: trong đơn khởi kiện chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền cho con; tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cũng không thay đổi ý kiến này. Xét thấy, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa nên không đưa ra được quan điểm của mình, anh Đoàn cũng là lao động tự do, thu nhập không ổn định, lại không thường xuyên có mặt ở nhà. Từ khi hai mẹ con chị T bỏ về C B sinh sống, anh Đ không chu cấp tiền cho con. Cháu Vũ Lý D N sống cùng mẹ đã lâu, cuộc sống ổn định, chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung, cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lý Thị T và anh Vũ Văn Đ không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lý Thị T phải nộp án phí ly hôn là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ : Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T (tức Lý Thị D) về việc “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Vũ Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử ly hôn giữa chị Lý Thị T (tức Lý Thị D) và anh Vũ Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Lý Thị T (tức Lý Thị D) trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Lý Dương N, sinh ngày 01/11/2012 cho đến khi cháu N thành niên. Anh Vũ Văn Đ không phải cấp dưỡng tiền cho con.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: chị Lý Thị T và anh Vũ Văn Đ không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lý Thị T phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền trên được trừ vào số tiền chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố N B, tỉnh N B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001798 ngày 21 tháng 01 năm 2021.

5. Về quyền kháng cáo: chị Lý Thị T, anh Vũ Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N B;
- VKSNDTP N B;
- Chi cục THADSTP N B;
- Các đương sự;
- UBND xã N P ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Dương Thị Phương

